

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP, MÃ NGÀNH 8510601

(Ban hành kèm theo Quyết định số 465/QĐ-ĐHDL, ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

#### I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Thông tin về chương trình đào tạo

- 1.1. Tên trường: Trường Đại học Điện lực
- 1.2. Tên chương trình đào tạo:
- Tên tiếng Việt: Quản lý công nghiệp
  - Tên tiếng Anh: Industrial Management
- 1.3. Mã ngành đào tạo: 8510601
- 1.4. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- 1.5. Thời gian đào tạo: 18 tháng đối với hình thức chính quy; 24 tháng đối với hình thức vừa học vừa làm
- 1.6. Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản lý công nghiệp
- 1.7. Thông tin kiểm định:
- 1.8. Thời điểm cập nhật chương trình đào tạo:

##### 2. Mục tiêu chương trình đào tạo

###### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý công nghiệp trang bị cho người học có được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành nhà quản lý trong lĩnh vực quản lý công nghiệp. Có năng lực thực hành cao, có khả năng độc lập sáng tạo, có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực năng suất chất lượng và hiệu quả trong công nghiệp.

###### 2.2. Mục tiêu cụ thể

###### 2.2.1. Kiến thức

- **PO1.1:** Trang bị hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện liên quan đến quản lý công nghiệp, nâng cao năng suất chất lượng; có tư duy



nghiên cứu độc lập, sáng tạo; hiểu các nguyên lý, mô hình quản trị hiện đại trong lĩnh vực quản lý sản xuất công nghiệp;

- **PO1.2:** Trang bị kiến thức tổng hợp về kinh tế và quản lý công nghiệp, năng suất chất lượng, quản lý hạ tầng công nghiệp, tối ưu kỹ thuật Logistics; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

### 2.2.2. Kỹ năng

- **PO2.1:** Trang bị các kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn về sản xuất công nghiệp; tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề một cách hiệu quả;

- **PO2.2:** Trang bị các kỹ năng cần thiết để viết báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; thuyết trình quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

### 2.2.3. Thái độ

- **PO3.1:** Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu gắn với thực tiễn.

## 3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

### 3.1. Kiến thức

- **PLO1.1:** Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu về quản lý các hệ thống công nghiệp;

- **PLO1.2:** Có kiến thức tổng thể và cập nhật về các hệ thống quản lý công nghiệp hiện đại;

- **PLO1.3:** Có kiến thức chung về quản trị và quản lý các hệ thống công nghiệp như quản lý sản xuất, quản lý kho hàng, quản lý nhân sự, quản lý logistics, quản lý bảo dưỡng....

### 3.2. Kỹ năng

- **PLO2.1:** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, xử lý thông tin và đưa ra các quyết định một cách khoa học;

- **PLO2.2:** Có kỹ năng truyền đạt thông tin dựa trên phân tích, đánh giá và thảo luận các vấn đề thuộc chuyên môn quản lý công nghiệp với người khác;

- **PLO2.3:** Có kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản lý năng suất chất lượng; quản lý dự trữ và kho hàng; quản lý bảo dưỡng công nghiệp; kinh tế và quản lý công nghiệp....;

- **PLO2.4:** Có kỹ năng nghiên cứu và sử dụng công nghệ và các phần mềm để phục vụ hoạt động chuyên môn quản lý công nghiệp;

ONG  
HOC  
V LU  
★

- **PLO2.5:** Có kỹ năng lãnh đạo trong phạm vi hoạt động chuyên môn quản lý công nghiệp;

- **PLO2.6:** Có trình độ ngoại ngữ trong đưng bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

### ***3.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm***

- **PLO3.1:** Có khả năng hiểu biết sâu rộng các vấn đề kinh tế, xã hội để thực hiện tốt chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý công nghiệp;

- **PLO3.2:** Có khả năng đánh giá vấn đề và đưa ra các nhận định, giải pháp và sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực chuyên môn quản lý công nghiệp;

- **PLO3.3:** Có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn;

- **PLO3.4:** Có khả năng giải quyết tốt các bài toán thực tế của doanh nghiệp thuộc chuyên môn quản lý công nghiệp.

### 3.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo				
		PO1.1	PO1.2	PO2.1	PO2.2	PO3.1
		Trang bị hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện liên quan đến quản lý công nghiệp, nâng cao năng suất chất lượng và logistics; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; hiểu các nguyên lý, mô hình quản trị hiện đại trong lĩnh vực quản lý sản xuất công nghiệp	Trang bị kiến thức tổng hợp về kinh tế và quản lý công nghiệp, năng suất chất lượng, quản lý hạ tầng công nghiệp, tối ưu kỹ thuật Logistics; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh	Trang bị các kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn về sản xuất công nghiệp; tổng hợp tri tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề một cách hiệu quả	Trang bị các kỹ năng cần thiết để viết báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; thuyết trình quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau	Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu gắn với thực tiễn.
PLO1.1	Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu về quản lý các hệ thống công nghiệp	4	4			4
PLO1.2	Có kiến thức tổng thể và cập nhật về các hệ thống quản lý công nghiệp hiện đại	4	4	4		4
PLO1.3	Có kiến thức chung về quản trị và quản lý các hệ thống công nghiệp như quản lý sản xuất, quản lý kho hàng, quản lý nhân sự, quản lý logistics, quản lý bảo dưỡng					4
PLO2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, xử lý thông tin và đưa ra các quyết định một cách khoa học	4	4			4
PLO2.2	Có kỹ năng truyền đạt thông tin dựa trên phân tích, đánh giá và thảo luận các vấn đề thuộc chuyên		4	4		

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu đào tạo				
		PO1.1	PO1.2	PO2.1	PO2.2	PO3.1
	môn quản lý công nghiệp với người khác					
PLO2.3	Có kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản lý năng suất chất lượng; quản lý dự trữ và kho hàng; quản lý bảo dưỡng công nghiệp; kinh tế và quản lý công nghiệp	4	4		4	
PLO2.4	Có kỹ năng nghiên cứu và sử dụng công nghệ và các phần mềm để phục vụ hoạt động chuyên môn quản lý công nghiệp	3		3		
PLO2.5	Có kỹ năng lãnh đạo trong phạm vi hoạt động chuyên môn quản lý công nghiệp	4			3	3
PLO2.6	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam					
PLO3.1	Có khả năng hiểu biết sâu rộng các vấn đề kinh tế, xã hội để thực hiện tốt chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý công nghiệp		4	4		
PLO3.2	Có khả năng đánh giá vấn đề và đưa ra các nhận định, giải pháp và sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực chuyên môn quản lý công nghiệp				4	4
PLO3.3	Có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn	4	4	4	4	4
PLO3.4	Có khả năng giải quyết tốt các bài toán thực tế của doanh nghiệp thuộc chuyên môn quản lý công nghiệp	4		4		4

Học viên tự học tập đạt được CDR ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp

### 3.5. Đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ

#### Trong nước

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ QLCN - ĐH Bách khoa Hà Nội;
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ QLCN – Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

#### Ngoài nước

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ QLCN – University of Central Missouri, Hoa Kỳ;
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kỹ thuật và QLCN – Viện công nghệ Karlsruhe (KIT), Đức

### 4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển sau tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ QLCN có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ, theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ liên quan đến quản lý công nghiệp, kinh tế công nghiệp, quản lý kinh tế, kỹ thuật hệ thống công nghiệp, quản lý năng lượng...

### 5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ có thể đảm nhận các công việc như:

- Quản lý cấp trung và cấp cao trong các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp;
- Cán bộ vận hành, điều hành tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tư vấn hiệu quả sản xuất công nghiệp;
- Giảng viên trong các trường cao đẳng, đại học đào tạo về lĩnh vực lĩnh vực hệ thống công nghiệp, quản lý công nghiệp;
- Nhà nghiên cứu, nhà quản lý trong các viện nghiên cứu về phát triển công nghiệp;
- Cán bộ quản lý điều hành một số mảng chuyên môn trong các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các khu công nghiệp;
- Tiếp tục làm nghiên cứu sinh về một mảng nghiên cứu cụ thể để đạt học vị tiến sĩ trong lĩnh vực quản lý công nghiệp;
- Các vị trí công việc khác trong các doanh nghiệp.

### 6. Thông tin tuyển sinh

#### 6.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) ngành phù hợp; đối với CTĐT định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và theo quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Điện lực.

### 6.2. Danh mục ngành đúng và ngành gần

#### a) Ngành đúng và ngành phù hợp – Nhóm 1

Người có bằng tốt nghiệp đại học sau đây thì không phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Có bằng tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp không quá 5 năm tính đến thời điểm dự tuyển;
- Có bằng tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng do Trường Đại học Điện lực cấp không quá 5 năm tính đến thời điểm dự tuyển.

#### b) Ngành gần – Nhóm 2

Người có bằng tốt nghiệp đại học gần với ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý công nghiệp phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Các ngành thuộc nhóm ngành *Kinh doanh – quản lý* (Danh mục giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Các ngành thuộc nhóm ngành *Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật* (Danh mục giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo) được dự thi sau khi hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức;

#### c) Ngành khác – Nhóm 3

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành không thuộc nhóm 1 và nhóm 2 sẽ do Hội đồng Khoa xem xét cụ thể theo quy định.

### 6.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Định mức KT-KT	2	Không phải học	x	Hội đồng Khoa xem xét
2	Kinh tế công nghiệp	2		x	
3	Sử dụng NL TK&HQ	3		x	

#### **6.4. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh**

Căn cứ vào điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định hiện hành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường sẽ quyết định chỉ tiêu tuyển sinh và số lần tuyển sinh trong năm.

Nhà trường áp dụng phương thức xét tuyển cho tuyển sinh trình độ thạc sĩ đối với công dân Việt Nam và nước ngoài.

#### **6.5. Điều kiện trúng tuyển**

Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điều kiện trúng tuyển theo chỉ tiêu đã thông báo và tổng điểm xét hồ sơ. Điều kiện trúng tuyển được xét như sau:

- a) Xét tuyển theo ngành đào tạo;
- b) Lấy điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển được tính bằng điểm trung bình học tập và điểm ưu tiên theo đối tượng, theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu xét tuyển.

Điểm trung bình học tập là điểm trung bình chung toàn khóa học trong chương trình đại học và điểm trung bình các học phần bổ sung kiến thức (nếu có).

Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm tích lũy trong đào tạo tín chỉ (Thang điểm 4). Trong trường hợp thí sinh dự tuyển tốt nghiệp đại học hệ niên chế thì sẽ được chuyển đổi sang thang điểm 4 theo bảng quy đổi trong phụ lục 5 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Điện lực được ban hành kèm theo trong Quyết định số 666/QĐ-ĐHDL ngày 31/5/2022.

Trường hợp có nhiều thí sinh cùng điểm thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

Xét tuyển đối với công dân nước ngoài được thực hiện theo Khoản 6 Điều 7 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Điện lực được ban hành kèm theo trong Quyết định số 666/QĐ-ĐHDL ngày 31/5/2022.

#### **6.6. Công nhận tín chỉ**

Học viên tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ ngành Quản lý công nghiệp của Trường Đại học Điện lực có thời gian tốt nghiệp không quá 5 năm được công nhận và chuyển đổi điểm cho các học phần sau:

- 1) Quản lý dự án
- 2) Các lý thuyết dự báo
- 3) Quản trị Logistics và tồn kho
- 4) Sử dụng năng lượng hiệu quả



### 7. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng

- a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Trường hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; hoặc có chứng nhận tiếng Anh tương đương trở lên do Nhà trường cấp.
- c) Đã nộp đề án tốt nghiệp được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và người hướng dẫn về việc đề án tốt nghiệp đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp và nhận xét của các phản biện, nộp đề án tốt nghiệp cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại trung tâm học liệu và lưu trữ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Trường.
- d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

### 8. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

#### 8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức đối với học viên Thạc sĩ: 60 tín chỉ

Khối kiến thức	Tín chỉ (TC)		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức chung	03	03	0
Kiến thức CSN và chuyên ngành	39	10	29
Thực tập tốt nghiệp	09	09	0
Đề án tốt nghiệp	09	09	0
<b>Tổng</b>	<b>60</b>	<b>31</b>	<b>29</b>

#### 8.2. Khung chương trình dạy học

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý công nghiệp theo định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ (TC) như sau:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ
A	<b>Kiến thức chung</b>		<b>3</b>
1	THSTH002	Triết học	3
B	<b>Học phần bắt buộc cơ sở ngành và chuyên ngành</b>		<b>10</b>
I	<b>Học phần cơ sở ngành (02 học phần)</b>		<b>5</b>
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3
II	<b>Học phần chuyên ngành (02 học phần)</b>		<b>5</b>
4	QL003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
5	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3
C	<b>Học phần tự chọn (chọn từ HP số 6 đến HP số 17)</b>		<b>29</b>
6	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2
7	QL019	Kinh tế và quản lý công nghiệp	2
8	QL007	Quản lý dự án	2
9	QL020	Quản trị sản xuất tinh gọn nâng cao	3
10	QL009	Phương pháp định mức năng lượng	3
11	QL021	Quản trị logistics và tồn kho	2
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2
13	QL012	Sử dụng năng lượng hiệu quả	3
14	QL022	Quản lý chất lượng toàn diện	2
15	QL015	Quản lý bảo dưỡng	2
16	QTKD001	Quản trị vận hành DN nâng cao	3
17	QL023	Phát triển sản phẩm và ĐMST	3
18	QL026	Thiết kế cơ sở hạ tầng công nghiệp	2
19	QL027	Sản xuất thông minh	2
20	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra QĐ trong quản lý	3
21	QL028	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2
22	QL029	Mô hình hóa và mô phỏng hệ gián đoạn	2

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ
23	QL030	Quản lý hệ thống phân phối	2
24	THSTA001	Tiếng Anh	3
<b>D</b>	<b>Thực tập, đề án tốt nghiệp</b>		<b>18</b>
25	QL024	Thực tập tốt nghiệp	9
26	QL025	Đề án tốt nghiệp	9
<b>Tổng cộng số tín chỉ toàn khoá học</b>			<b>60</b>

### 8.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Học kỳ	
				Chính quy	VHVL
<b>A</b>	<b>Kiến thức chung</b>		<b>3</b>		
1	THSTH002	Triết học	3	1	1
<b>B</b>	<b>Học phần bắt buộc cơ sở ngành và chuyên ngành</b>		<b>10</b>		
<b>I</b>	<b>Học phần cơ sở ngành (02 học phần)</b>		<b>5</b>		
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2	1	1
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3	1	1
<b>II</b>	<b>Học phần chuyên ngành (02 học phần)</b>		<b>5</b>		
4	QL003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
5	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3	1	1
<b>C</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn từ HP số 6 đến HP số 17)</b>		<b>29</b>		
6	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2	1	2
7	QL019	Kinh tế và quản lý công nghiệp	2	1	2
8	QL007	Quản lý dự án	2	1	2
9	QL020	Quản trị sản xuất tinh gọn nâng cao	3	2	2
10	QL009	Phương pháp định mức năng lượng	3	2	2
11	QL021	Quản trị logistics và tồn kho	2	2	2
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2	2	3

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Học kỳ	
				Chính quy	VHVL
13	QL012	Sử dụng năng lượng hiệu quả	3	2	3
14	QL022	Quản lý chất lượng toàn diện	2	2	3
15	QL015	Quản lý bảo dưỡng	2	2	3
16	QTKD001	Quản trị vận hành DN nâng cao	3	2	3
17	QL023	Phát triển sản phẩm và ĐMST	3	1	1
18	QL026	Thiết kế cơ sở hạ tầng công nghiệp	2	1	1
19	QL027	Sản xuất thông minh	2	1	1
20	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra QĐ trong quản lý	3	2	2
21	QL028	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	2	2
22	QL029	Mô hình hóa và mô phỏng hệ gián đoạn	2	2	2
23	QL030	Quản lý hệ thống phân phối	2	2	2
24	THSTA001	Tiếng Anh	3	1	1
<b>D</b>	<b>Thực tập, đề án án tốt nghiệp</b>		<b>18</b>		
25	QL024	Thực tập tốt nghiệp	9	3	4
26	QL025	Đề án tốt nghiệp	9	3	4
<b>Tổng cộng số tín chỉ toàn khoá học</b>			<b>60</b>		

8.4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra  
(5 cấp bậc đánh giá: 1. Hiều; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và TN																							
						1	2	3	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4																					
1	THSTH002	Triết học	3	45	0				3								3	3																					
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2	30	0					4											4						3	3											
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3	45	0				3												4	3							3	3									
4	QL003	Phương pháp nghiên cứu KH	2	30	0				3												3	4	3							3	3								
5	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2	30	0				3	3															4	3				3									
6	QL019	Kinh tế và quản lý công nghiệp	2	30	0					4	4																				4								
7	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3	45	0						4														3							4							
8	QL020	Quản trị SXTG nâng cao	3	45	0				4	3																							4						
9	QL007	Quản lý dự án	2	30	0																				3									4					
10	QL009	Phương pháp định mức NL	3	45	0				3																	3								3					
11	QL021	Quản trị logistics và tồn kho	2	30	0				3	3																	3								3				
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2	30	0				3																		3									3			
13	QL012	Sử dụng năng lượng hiệu quả	3	45	0				3	4																	3	3								3			
14	QL022	Quản lý chất lượng toàn diện	2	30	0				3	3	4																									3		3	



## 9. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

### 9.1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy trực tiếp trên lớp/giảng dạy online;
- Đặt vấn đề; Thuyết trình;
- Thảo luận nhóm;
- Bài tập tình huống;
- Báo cáo chuyên đề.

### 9.2. Phương pháp học tập

- Học tập trên lớp;
- Tự nghiên cứu;
- Báo cáo chuyên đề.

### 9.3. Cách thức đánh giá

- Đánh giá quá trình;
- Đánh giá kết thúc học phần.

Các học phần thạc sĩ (lý thuyết, thực tập) và đề án tốt nghiệp được đánh giá theo thang điểm 10 và được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định tại quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành.

## 10. Danh sách đội ngũ giảng viên

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT	Ghi chú
1	Trịnh Văn Toàn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	2007, ĐHĐL	Triết học	
2	Dương Trung Kiên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế	2005, ĐHĐL	Kinh tế học nâng cao; Phương pháp định mức năng lượng; Quản lý chất lượng toàn diện	
3	Đình Văn Châu	PGS, TS	Năng lượng	2021 ĐHĐL	Phương pháp nghiên cứu khoa học; Sử dụng NL hiệu quả;	
4	Trương Huy Hoàng	Tiến sĩ,	Kinh tế	2004, ĐHĐL	Kinh tế lượng nâng cao; Lý thuyết tăng trưởng	
5	Nguyễn Đạt Minh	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	2018, ĐHĐL	QTSX tinh gọn nâng cao;	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT	Ghi chú
					Lãnh đạo và quản lý; QLCL toàn diện	
6	Lê Anh Tuấn	PGS. TS, Hà Lan, 2005	Kinh tế	2007, ĐHĐL	Quản trị vận hành DN nâng cao Quản trị Logistics và tồn kho Quản lý CCU toàn cầu	
7	Ngô Tuấn Kiệt	Tiến sĩ, Liên Xô 1980	Năng lượng	2018, ĐHĐL	Sử dụng năng lượng hiệu quả; Quản lý bảo dưỡng	
8	Đàm Khánh Linh	Tiến sĩ, Ý, 2015	KT điện	2008, ĐHĐL	Phương pháp dự báo; Quản lý dự án	
9	Nguyễn Cảnh Nam	Phó giáo sư, 2004; Tiến sĩ, Tiệp khắc, 1981	Kinh tế mở	2018, ĐHĐL	Phương pháp dự báo; Kinh tế và quản lý CN	
10	Nguyễn Ngọc Thía	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế	2009, ĐHĐL	Quản lý bảo dưỡng Thiết kế CSHT CN	
11	Trần Hồng Nguyên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh tế NL	2012, ĐHĐL	Phương pháp dự báo; Quản lý dự án	
12	Đỗ Thị Hiệp	Tiến sĩ, Đức	Kinh tế NL	2012	Lý thuyết tăng trưởng, Kinh tế và QLCN	

### 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Trường Đại học Điện lực có đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công nghiệp:

- a) Lớp học lý thuyết và các phương tiện nghe, nhìn: Trường có các phòng học với đầy đủ tiện nghi từ bàn ghế, máy chiếu, micro, phong, màn.
- b) Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành với các trang thiết bị hiện đại, máy tính được nối mạng đã được trường cùng các cơ sở khác của trường xây dựng đảm bảo đủ các điều kiện cho các học viên thực hành.
- c) Hệ thống thư viện và phòng đọc: các học viên được sử dụng thư viện điện tử của Trường. Thư viện có các máy tính được nối mạng phục vụ cho việc tra cứu thư mục của thư viện cũng như tìm các tài liệu phục vụ học tập từ trên mạng internet một cách nhanh chóng và thuận tiện. Thư viện của trường có hàng ngàn đầu sách tiếng việt và tiếng nước ngoài, phục vụ tốt cho việc tham khảo của các học viên.



**PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ GIẢNG DẠY**

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện	131	17,602	Máy chiếu	61	Dùng chung cho tất cả các học phần của tất cả các Khoa trong trường
				Màn hình TV + màn led	41	
				Thiết bị âm thanh (máy trợ giảng, amply + micro + loa)	57	
				Camera giám sát	75	
				Điều hòa không khí	269	
2	Phòng học máy tính	6	939	Máy chiếu	6	
				Máy chủ	10	
				Máy tính để bàn + xách tay	306	

**THƯ VIỆN**

- Diện tích thư viện: CS1: 874,8 m <sup>2</sup> ; CS2: 210m <sup>2</sup>	- Diện tích phòng đọc: 700 m <sup>2</sup>
- Số chỗ ngồi: 300	- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: LIBOL	
- Thư viện điện tử: IEEE, ACM, Science Direct, Proquest	- Số lượng sách: 38.931 cuốn

**DANH MỤC GIÁO TRÌNH DÙNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần/ học phần	Ghi chú
1	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Lý luận chính trị		1	Triết học	
2	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	Lê Anh Tuấn và cộng sự	NXB Giáo dục Việt Nam	2012	3	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần/ học phân	Ghi chú
3	The Problem-Solving, Problem-Prevention, and Decision-Making Guide: Organized and Systematic Roadmaps for Managers	Bob Sproull	Productivity Press Publisher	2018	0	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	
4	Giáo trình kinh tế học vi mô	Nguyễn Đại Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam	2009	5	Kinh tế học nâng cao	
5	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Dân	NXB Tài chính	2008	10	Kinh tế học nâng cao	
6	Kinh tế lượng, chương trình nâng cao	Nguyễn Quang Đông	NXB khoa học kỹ thuật	2007	7	Kinh tế lượng nâng cao	
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học kỹ thuật	2005	9	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	
8	Khoa học quản lý	Lê Văn Phùng và cộng sự	NXB Thông tin và truyền thông	2014	1	Lãnh đạo và quản lý	
9	Giáo trình Khoa học quản lý đại cương	Phạm Ngọc Thanh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2019	2	Lãnh đạo và quản lý	
10	Lý thuyết tăng trưởng	Đàm Xuân Hiệp	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2010	278	Lý thuyết tăng trưởng	
11	Giáo trình Quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010	1	Quản lý dự án	
12	Giáo trình dự báo nhu cầu điện năng	Khoa QLCN&NL		2014	0	Các lý thuyết dự báo	
13	Sử dụng hợp lý tiết kiệm và hiệu quả điện năng trong sản xuất và sinh hoạt	Nguyễn Xuân Phú	NXB Khoa học kỹ thuật, Việt Nam	2002	6	Sử dụng năng lượng hiệu quả	
14	Quản lý bảo trì công nghiệp	Phạm Ngọc Tuấn	NXB: ĐH Bách khoa	2014	1	Quản lý bảo dưỡng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần/ học phần	Ghi chú
			TP Hồ chí Minh				
15	Giáo trình Kinh tế và Quản lý công nghiệp	Nguyễn Đình Phan, Nguyễn Kế Tuấn	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2007	1	Kinh tế và quản lý công nghiệp	
16	Phương pháp Sản xuất Lean	Nguyễn Đạt Minh	NXB Công thương	2018	4	Quản trị sản xuất tinh gọn nâng cao	
17	Hướng dẫn thiết kế & quản lý vận hành kho hàng và trung tâm phân phối	Lê Anh Tuấn	NXB Khoa học và kỹ thuật	2015	2	Quản trị logistics và tồn kho	
18	Giáo trình Quản trị chất lượng	Nguyễn Đình Phan và Đặng Ngọc Sự	Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân	2012	20	Quản lý chất lượng toàn diện	
19	Kiểm soát chất lượng bằng phương pháp thống kê	Nguyễn Như Phong	NXB ĐH Quốc gia TP HCM	2016	1	Quản lý chất lượng toàn diện	
20	Quản lý sản xuất và tác nghiệp	Nguyễn Văn Nghiên	NXB Giáo dục	2009	5	Thực tập tốt nghiệp	
21	Sản xuất thông minh trong cách mạng công nghiệp 4.0	Hà Minh Hiệp	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2019	1	Sản xuất thông minh	
22	Quản trị cung ứng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Tổng hợp Tp HCM	2011	1	Quản trị chuỗi cung ứng toán cầu	
23	Mô hình hóa hệ thống và mô phỏng	Nguyễn Công Hiến	NXB KHKT	2006	5	Mô hình hoá và mô phỏng hệ gián đoạn	
24	Quản trị cung ứng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Tổng hợp Tp HCM	2011	1	Quản lý hệ thống phân phối	
25	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2017	1	Quản trị vận hành nâng cao	

## 12. Mô tả tóm tắt học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả học phần
1	THSTH002	Triết học	3	Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng; những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2	Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về thị trường, cấu trúc thị trường, hành vi của người tham gia thị trường cũng như các vấn đề của hàng hóa công cộng và phúc lợi xã hội.
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3	Trang bị cho học viên những nguyên tắc cơ bản để xây dựng các mô hình kinh tế lượng; các phương pháp ước lượng và kiểm định các mô hình, cách thức sử dụng các mô hình để phục vụ cho việc phân tích và dự báo. Trong học phần này học viên được giới thiệu một số phần mềm về kinh tế lượng thông dụng hiện nay.
4	QL003	Phương pháp NCKH	2	Trang bị cho các học viên những kiến thức, kỹ năng tổ chức và thực hiện một nghiên cứu độc lập: Cấu trúc của một nghiên cứu; Quy trình thực hiện; Các phương pháp cơ bản sử dụng trong phân tích, tổng hợp; cách so sánh, lựa chọn hướng nghiên cứu khoa học; tìm tòi, tích lũy và khai thác các thông tin khoa học; cách thức viết và trình bày một bài báo, một công trình khoa học; cấu trúc trình bày một luận văn.
5	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3	Trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu rộng, nắm vững các học thuyết của lãnh đạo và quản lý.
6	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2	Trang bị cho học viên những nội dung kiến thức về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Nhấn mạnh đến một số các mô hình tăng trưởng và phân chia thu nhập để từ đó hỗ trợ cho việc hoạch định và đưa ra các quyết định chính sách kinh tế.

7	QL019	Kinh tế và QLCN	2	Trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng tổ chức sản xuất kinh doanh công nghiệp và quản lý nhà nước đối với công nghiệp, ngoài ra còn đưa tới những kiến thức lý thuyết cũng như thực tế liên quan tới nền kinh tế công nghiệp cụ thể. Đồng thời cung cấp cho học viên khả năng nghiên cứu và phát hiện các vấn đề liên quan đến yếu tố kinh tế trong ngành công nghiệp.
8	QL007	Quản lý dự án	2	Trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về dự án và quản lý dự án, tổ chức quản lý dự án và lập kế hoạch dự án. Xây dựng cấu trúc phân việc, phân bổ công việc; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Quản lý chi phí thực hiện dự án.
9	QL020	Quản trị SX tinh gọn nâng cao	3	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về hệ thống sản xuất tinh gọn và vận hành hệ thống SX trong doanh nghiệp theo triết lý của sản xuất tinh gọn. Học viên được cung cấp các kiến thức nâng cao về các công cụ và phương pháp của quản trị sản xuất tinh gọn như Kaizen, 5S, Kanban...
10	QL009	Phương pháp định mức NL	3	Trang bị cho học viên các khái niệm và quy trình tổng quát về xây dựng định mức chuẩn sử dụng năng lượng. Học phần cung cấp cho học viên nguyên tắc chung trong việc xây dựng định mức chuẩn năng lượng, đồng thời giới thiệu chi tiết; Một số phương pháp xây dựng định mức chuẩn sử dụng năng lượng áp dụng cho từng đối tượng; Các phương pháp so sánh và đánh giá tiêu thụ năng lượng thực tế so với chuẩn định mức, từ đó giúp tìm kiếm các cơ hội cải tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.
11	QL021	Quản trị logistics và tồn kho	2	Trang bị cho học viên kiến thức liên quan tới quản trị logistics và kho hàng, đồng thời có kỹ năng sử dụng và quản lý các công nghiệp tiên tiến trong quản lý hoạt động logistics cũng như khả năng quản lý cải tiến hoạt động chuyên môn liên quan tới tồn kho.
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về lý thuyết và phương pháp luận của các phương pháp dự báo, phương pháp tính toán và phân tích trong dự báo, các phương pháp ước lượng và kiểm định các mô hình, các mô hình dự báo.

13	QL012	Sử dụng NL hiệu quả	3	Trang bị cho học viên các khái niệm và định nghĩa về tổ hợp nhiên liệu năng lượng, hệ thống năng lượng Việt Nam, cân bằng năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Những vấn đề kinh tế-kỹ thuật liên quan đến các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng điện và nhiệt trong các ngành kinh tế và dân sinh; Kỹ thuật và công nghệ khai thác sử dụng năng lượng tái tạo thay thế năng lượng hoá thạch và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
14	QL022	Quản lý chất lượng toàn diện	2	Trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về chất lượng sản phẩm, dịch vụ và vai trò của chất lượng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các phương thức quản lý chất lượng hiện nay. Giúp học viên nắm được và vận dụng thành thạo các công cụ quản lý chất lượng. Các phương pháp cải tiến và nâng cao chất lượng.
15	QL015	Quản lý bảo dưỡng	2	Trang bị cho học viên các kiến thức về quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp. Các phương pháp đánh giá, xây dựng hệ thống quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp.
16	QTKD001	Quản trị vận hành DN nâng cao	3	Trang bị cho học viên những kiến thức quản trị nâng cao liên quan đến sản xuất và tác nghiệp trong doanh nghiệp.
17	QL026	Thiết kế CSHT công nghiệp	2	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về thiết kế cơ sở hạ tầng công nghiệp liên quan đến thiết kế nhà máy, các khu vực sản xuất, nhà kho, các phân xưởng... nhằm đạt được hiệu quả cao trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.
18	QL023	Phát triển SP và ĐMST	3	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua các chiến lược phát triển sản phẩm phù hợp với công nghệ, nhu cầu của xã hội.
19	QL029	Mô hình hóa và MP hệ gián đoạn	2	Trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến mô hình hóa và mô phỏng các hệ thống sản xuất công nghiệp như mô phỏng các dây chuyền sản xuất, quản lý kho hàng và các trung tâm phân phối.

20	QL028	Quản lý CCU toàn cầu	2	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về quản trị chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa để giúp doanh nghiệp đưa ra được các chiến lược lựa chọn chuỗi cung ứng hàng hóa tối ưu phục vụ sản xuất kinh doanh.
21	QL030	Quản lý hệ thống phân phối	2	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về quản trị quản lý mạng lưới phân phối trong logistic.
22	QL027	Sản xuất thông minh	2	Trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng liên quan đến thiết kế, vận hành, phân tích các giải pháp sản xuất thông minh trong hệ thống sản xuất công nghiệp nhằm cải thiện hiệu suất công nghiệp.
23	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra QĐ	3	Trang bị cho học viên các kiến thức về mô hình định lượng phục vụ người quản lý ra được các quyết định trong quá trình quản lý các hoạt động sản xuất công nghiệp.
24	THSTA001	Tiếng Anh	3	Trang bị cho học viên các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng và các kiến thức văn hoá xã hội, kinh tế kỹ thuật ở cấp độ B2 (CEFR) tương đương cấp độ 4 KNLNNVN.
25	QL024	Thực tập tốt nghiệp	9	Trang bị cho học viên những kiến thức thực tế, vận dụng những kiến thức lý thuyết được học để giải quyết một vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp.
26	QL018	Đề án tốt nghiệp	9	Học viên nghiên cứu theo các chuyên đề khác nhau

### 13. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý công nghiệp được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông phù hợp với quy định hiện hành.

Học viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học Điện lực để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.wwevu.edu.vn>.

Phòng Đào tạo Sau Đại học Trường Đại học Điện lực tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn.

Ít nhất 2 năm một lần, Khoa QLCN&NL triển khai tổ chức đánh giá chương trình đào tạo ThS. QLCN sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

#### 14. Đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá định kỳ nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Mỗi CDR phải được đánh giá tối thiểu 02 (hai) lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT (tối đa 5 năm). Kết quả rà soát, đánh giá được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Trưởng khoa tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và của Trường ĐHDL.

Hiệu trưởng quyết định công bố CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi đánh giá và cập nhật trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học và Đào tạo.

## II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

*(Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLCN được ban hành kèm theo)*

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Đình Văn Châu**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024  
**TRƯỞNG KHOA**

  
**Dương Trung Kiên**